

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **27/2020/DS-ST**

Ngày: 24-6-2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng góp
hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tòng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mười

2. Ông Nguyễn Hoàng Phúc

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn – Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên
tòa:** Bà La Thị Thúy Vi – Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu
Thành, tỉnh Bến Tre, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số:
15/2020/TLST- DS ngày 09 tháng 01 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng
góp hụi*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-DS ngày 20
tháng 5 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị S**, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm
1982; (Có mặt)

Địa chỉ: Số A, khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre

Bị đơn: - Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1962; (Vắng mặt)

- Ông **Hồ Văn Đ**, sinh năm 1964; (Vắng mặt)

Trú tại: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản làm việc các biên bản đối chòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị S, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Bà S có tham gia hai dây hội do bà N làm chủ, cụ thể:

- Dây thứ nhất, hội 1.000.000 đồng, khai ngày 10/8/2017 ÂL, bao gồm 24 hội viên, bà S tham gia 01 phần. Bà S đã đóng hội đến 03/2019 được 20 phần, đến phần thứ 21 thì hốt hội với số tiền là 22.250.000 đồng (bỏ thăm hội là 250.000 đồng) nhưng bà N không giao hội, sau đó vào các tháng 5, 6, 7 bà N cũng không thu hội, đến tháng 8/2019 ÂL thì bà N tuyên bố vỡ hội. Tổng số tiền đã đóng hội cho bà N là 16.250.000 đồng.

- Dây thứ hai, hội 1.000.000 đồng, khai ngày 30/01/2018 ÂL, bao gồm 24 hội viên, bà S tham gia 01 phần. Bà S đã đóng hội đến 03/2019 được 15 phần, do dây hội thứ nhất bà N không giao hội nên bà S không đóng hội tiếp nữa, đến tháng 8/2019 ÂL thì bà N tuyên bố vỡ hội. Tổng số tiền đã đóng hội cho bà N là 12.400.000 đồng.

Nay bà S yêu cầu bà N và ông Đ liên đới trả cho bà S số tiền hội còn nợ là 28.650.000 đồng; không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản đối chất, biên bản làm việc ngày 20/02/2020, bị đơn bà Lê Thị N trình bày:

Tôi thừa nhận bà S có tham gia hai dây hội như bà S đã trình bày. Cụ thể là dây hội 1.000.000 đồng, khai ngày 10/8/2017 ÂL, bao gồm 24 hội viên, bà S tham gia 01 phần và dây thứ hai, hội 1.000.000 đồng, khai ngày 30/01/2018 ÂL, bao gồm 24 hội viên, bà S tham gia 01 phần.

Đối với dây hội khai ngày 10/8/2017, bà S hốt hội vào tháng 3/2019 ÂL bà N đã giao hội cho bà S xong. Hiện tại bà N không nhớ rõ số tiền bà S hốt hội là bao nhiêu nhưng đã giao tiền cho bà S rồi.

Đối với dây hội thứ hai, khai ngày 30/01/2018, bà N thừa nhận còn nợ lại tiền hội của bà S là 15 tháng nhưng xin được trả tiền vốn là 10.500.000 đồng (trung bình 700.000 đồng/tháng x 15 tháng).

Ông Hồ Văn Đ là bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong các phiên họp công khai tiếp cận chứng cứ, hòa giải và quá trình xét xử vụ án, mọi ý kiến do bà N quyết định nên không có lời trình bày.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Các bên đương sự tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S đối với bà Lê Thị N và ông Hồ Văn Đ về việc tranh chấp hợp đồng góp hui. Buộc bà Lê Thị N và ông Hồ Văn Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị S số tiền hui còn nợ là 28.650.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng; bị đơn ông Hồ Văn Đ có yêu cầu vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông Đ là phù hợp với Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng góp hui. Bị đơn bà Lê Thị N, ông Hồ Văn Đ có nơi cư trú tại ấp Hàm Luông, xã Tân Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị S tham gia chơi hai dây hui do bà Lê Thị N là chủ bao gồm:

- Dây hui 1.000.000 đồng, khai ngày 10/8/2017 ÂL (ngày 29/10/2017 dương lịch), bao gồm 24 hui viên, bà S tham gia 01 phần và đã hốt hui vào kỳ thứ 21 với số tiền 18.900.000 đồng nhưng bà N chưa giao hui.

- Dây thứ hai, hui 1.000.000 đồng, khai ngày 30/01/2018 ÂL (ngày 17/3/2018 dương lịch), bao gồm 24 hui viên, bà S tham gia 01 phần, đã đóng được 15 kỳ hui. Đến tháng 8/2019 ÂL (tháng 9 năm 2019 dương lịch), bà N tuyên bố vỡ hui.

Bà S khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị N cùng chồng là ông Hồ Văn Đ liên đới trả số tiền hui là 28.650.000 đồng. Bà N chỉ đồng ý trả cho bà S số tiền 10.500.000 đồng; đối với dây hui 1.000.000 đồng, khai ngày 10/8/2017 ÂL đã giao tiền cho bà S xong nên không đồng ý trả tiền cho bà S.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Bà Lê Thị N thừa nhận việc bà Trần Thị S có tham gia hai dây hui và số kỳ đóng hui cho bà Lê Thị N bao gồm dây hui 1.000.000 đồng, khai ngày

10/8/2017 ÂL (ngày 29/10/2017 dương lịch), bao gồm 24 hội viên, bà S tham gia 01 phần, đã đóng hội được 20 kỳ, đến kỳ thứ 21 thì hết hội; dây thứ hai, hội 1.000.000 đồng, khai ngày 30/01/2018 ÂL (ngày 17/3/2018 dương lịch), bao gồm 24 hội viên, bà S tham gia 01 phần, đã đóng hội được 15 kỳ là phù hợp với lời trình bày của bà S và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là chứng cứ không phải chứng minh.

[4.2] Bà N cho rằng đối với dây hội khai ngày 10/8/2017 (ngày 29/10/2017 dương lịch), bà S hết hội vào kỳ thứ 21 và bà N đã giao hội cho bà S xong nên không đồng ý trả số tiền hội trong dây hội này theo yêu cầu của bà S. Bà Lê Thị N là chủ hội nên có nghĩa vụ về việc lập sổ hội viên, quản lý các vấn đề về việc giao tiền hội cho các hội viên. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã ra thông báo số 15 ngày 25/02/2020 về việc yêu cầu bà N cung cấp chứng cứ chứng minh số tiền hội đã giao cho bà S. Tuy nhiên, bà N không cung cấp được và không có chứng cứ để chứng minh mình đã giao tiền cho bà S xong. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận sau khi trừ tiền 03 phần sống còn lại mà nguyên đơn phải đóng hội chết (là 3.000.000 đồng) và cho chủ hội tiền thảo là 500.000 đồng thì số tiền thực tế bà N có nghĩa vụ phải giao cho bà S của dây hội này là 18.900.000 đồng nhưng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu bà N, ông Đ trả lại số tiền là 16.250.000 đồng.

[4.3] Đối với dây hội thứ hai, khai ngày 30/01/2018 ÂL (ngày 17/3/2018 dương lịch), bà N thừa nhận bà S đã đóng hội cho bà N được 15 phần và hiện còn nợ lại tiền hội của bà S nhưng xin được trả tiền vốn là 10.500.000 đồng. Bà Lê Thị N là chủ hội nên có nghĩa vụ về việc lập sổ hội viên để theo dõi quá trình đóng hội của các hội viên trong từng kỳ khai hội. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã ra thông báo số 15 ngày 25/02/2020 về việc yêu cầu bà N cung cấp sổ hội, danh sách hội viên, số tiền hội mà mỗi hội viên đã đóng mỗi kỳ trong dây hội này nhưng bà N không cung cấp được. Lời trình bày của bà N là không có cơ sở, không có chứng cứ chứng minh, Tòa án không có cơ sở xem xét lại về tiền vốn đã đóng cũng như phần lãi trong quá chơi hội. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu bà N, ông Đ trả lại số tiền là 12.400.000 đồng.

[4.4] Tại biên bản làm việc ngày 24/4/2020 bà Ngô Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị N1 là một trong các hội viên cùng chơi chung dây hội với bà S xác định: bà N1, bà T cùng là hội viên, cùng bà S tham gia hai dây hội hai dây hội gồm dây hội 1.000.000 đồng, khai ngày 10/8/2017 ÂL (ngày 29/10/2017 dương lịch), và hội 1.000.000 đồng, khai ngày 30/01/2018 ÂL (ngày 17/3/2018 dương lịch). Bà N1 và bà T khẳng định số tiền hội viên bỏ thăm để được hết hội mỗi kỳ cao nhất là

250.000 đồng và thấp nhất là 100.000 đồng. Lời trình bày này phù hợp với bảng kê số tiền vốn hụi mà S tự kê khai. Việc khai và giao hụi đều diễn ra tại nhà của bà N và ông Đ, thỉnh thoảng ông Đ có thay bà N tiến hành khai và thu tiền hụi cho bà N tại nhà. Tại biên bản làm việc ngày 20/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, bà N cũng thừa nhận việc bà tổ chức các dây hụi thì ông Đ có biết, nhưng chơi cụ thể thế nào thì ông Đ không rõ, việc bà tổ chức chơi hụi là để có tiền thảo của hụi viện, dùng xoay sở trả các khoản nợ trước đây và dùng vào sinh hoạt gia đình. Mặt khác, các khoản nợ này phát trong thời kỳ hôn nhân của bà N và ông Đ nên đây là nợ chung của vợ chồng.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N là phù hợp với quy định tại Điều 466, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 18; Điều 23; Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phưởng nên được chấp nhận, buộc bà Lê Thị N và ông Hồ Văn Đ liên đới trả cho Trần Thị S số tiền 28.650.000 đồng là phù hợp. Bà Trần Thị S tự nguyện không yêu cầu tính lãi nên ghi nhận.

[4] Về án phí:

Bà Lê Thị N là con Liệt sĩ nên được miễn án phí.

Ông Hồ Văn Đ là người có công cách mạng, thi hành nghĩa vụ quốc tế tại chiến trường Campuchia gia đoạn 1983 – 1984 theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh người có công cách mạng sửa đổi bổ sung năm 2012 nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 357; 466; 471; 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Điều 26; Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 74, Điều 227, Điều 228, Điều 147; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015
- Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 18; Điều 23; Điều Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phưởng;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S đối với bà Lê Thị N và ông Hồ Văn Đ về việc tranh chấp hợp đồng góp hội. Buộc bà Lê Thị N và ông Hồ Văn Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị S số tiền hội còn nợ là 28.650.000 (*Hai mươi tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn*) đồng. Ghi nhận bà Trần Thị S không yêu cầu tính lãi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 375, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

2. Về án phí: Bà Lê Thị N, ông Hồ Văn Đ được miễn án phí.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND X. Tân Phú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Thanh Tòng